|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  ---------- |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ------------------------------------------------  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

|  |
| --- |
| **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  **Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP/2016/NĐ-CP**  **ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản**  -------------------------------------------- |

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Ngày 25/11/2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Thực hiện Luật Phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 164/2016/NĐ-CP/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với khai thác khoáng sản (Nghị định 164), có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Qua quá trình triển khai thực hiện, chính sách thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản hiện hành đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành, như: (i) Góp phần nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân về BVMT; (ii) Khuyến khích đầu tư công nghệ chế biến sâu khoáng sản, góp phần giảm ô nhiễm môi trường; (ii) Tăng cường quản lý hoạt động khai thác khoáng sản ở địa phương; (iii) Góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN) với số thu phí BVMT tăng dần qua các năm[[1]](#footnote-1) và tăng thu cho ngân sách địa phương đầu tư cải tạo môi trường nơi khai thác khoáng sản.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì chính sách thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính đồng bộ với chính sách liên quan khác; cũng như phù hợp với bối cảnh hội nhập, xu hướng phát triển kinh tế của các nước trên thế giới.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định 164 đảm bảo mục tiêu:

- Khắc phục những hạn chế của chính sách hiện hành về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản;

- Bảo đảm thống nhất, tạo thuận lợi trong việc thực hiện phí BVMT đối với khai thác khoáng sản;

- Từng bước hạn chế tác động xấu đến môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT**

**1. Về tổ chức thu phí**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

- Tại Điều 3 Nghị định 164 quy định về tổ chức thu phí như sau:

*“Tổ chức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định này là cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có hoạt động khai thác khoáng sản”.*

- Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 164 quy định về phạm vi điều chỉnh chưa liệt kê “tổ chức thu phí”, cụ thể:

*“1. Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, người nộp phí, mức thu, phương pháp tính, kê khai, nộp phí và quản lý sử dụng phí BVMT đối với khai thác khoáng sản”.*

- Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 164 quy định: *“1.* *Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp hồ sơ khai phí BVMT với cơ quan thuế quản lý trực tiếp cùng nơi kê khai nộp thuế tài nguyên... Trường hợp tổ chức thu mua gom khoáng sản phải đăng ký nộp thay người khai thác thì tổ chức đó có trách nhiệm nộp hồ sơ khai phí BVMT với cơ quan thuế quản lý cơ sở thu mua khoáng sản...”*

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý thuế và điểm i khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế: Tổ chức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản gồm: (i) Cơ quan thuế nơi có hoạt động khai thác khoáng sản và (ii) cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở nộp phí.

Như vậy, chưa có sự thống nhất trong quy định về tổ chức thu phí giữa Điều 3 với khoản 1 Điều 6 Nghị định 164, đồng thời cũng chưa thống nhất với quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với các quy định của pháp luật về quản lý thuế; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Sửa đổi, bổ sung Điều 1 và Điều 3 Nghị định 164 như sau:

- Bổ sung cụm từ “tổ chức thu phí” vào khoản 1 Điều 1 Nghị định 164: *“*Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, người nộp phí, tổ chức thu phí, các trường hợp được miễn phí, mức thu, phương pháp tính, kê khai, nộp***,*** quản lý và sử dụng phí BVMT đối với khai thác khoáng sản*”.*

- Sửa đổi nội dung Điều 3 Nghị định 164 như sau: *“**Tổ chức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản là cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo được tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Việc sửa đổi theo phương án này góp phần đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí; tạo sự minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện, góp phần cải cách thủ tục hành chính.

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**2. Về người nộp phí**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Nghị định 164 quy định:

- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản. Tổ chức thu mua gom khoáng sản đăng ký nộp thay người khai thác.

- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ (điểm a khoản 1 Điều 7); tổ chức, cá nhân không nhằm khai thác khoáng sản, trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ hoặc chuyên ngành đã đăng ký mà thu được khoáng sản.

- Theo quy định tại pháp luật khoáng sản thì các hợp được khai thác khoáng sản gồm:

(i) Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản (tại khoản 1 Điều 51 Luật Khoáng sản) được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (khoản 2 Điều 53 Luật Khoáng sản) và Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (theo quy định tai Điều 70 Luật Khoáng sản).

(ii) Hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản (tại khoản 2 Điều 51 Luật Khoáng sản) được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản (tại Điều 36 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản).

(iii) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác (khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản).

(iv) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (khoản 1, 2 Điều 65 Luật Khoáng sản).

- Theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 3 Luật Dầu khí: Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, khí than trên cơ sở hợp đồng dầu khí hoặc thực hiện dịch vụ dầu khí theo quy định của pháp luật dầu khí.

- Tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế tài nguyên: “c) Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua và tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua cam kết chấp thuận bằng văn bản về việc kê khai, nộp thuế thay cho tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp thuế”.

Như vậy, quy định người nộp phí tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định 164 chưa phù hợp với pháp luật khoáng sản.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với các quy định của pháp luật; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Bổ sung điều riêng quy định về người nộp phí:

*“Điều 4. Người nộp phí*

*Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định này, bao gồm:*

*1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản.*

*2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, khí than trên cơ sở hợp đồng dầu khí hoặc thực hiện dịch vụ dầu khí theo quy định của pháp luật dầu khí.*

*3. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua và tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua cam kết chấp thuận bằng văn bản về việc kê khai, nộp phí thay cho tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp phí”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo được tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Việc bổ sung quy định về người nộp phí góp phần đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của Nghị định, tạo thuận lợi trong thực hiện. Đồng thời đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí với các chính sách khác có liên quan.

- Tác động tiêu cực: Phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**3. Về các trường hợp không phải nộp phí**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại khoản 7 Điều 5 Nghị định 164 quy định: *“Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó và trường hợp đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai thì không phải nộp phí BVMT đối với khai thác khoáng sản đó”.*

Thực tế có trường hợp đất, đá khai thác vừa để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự; phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai vừa sử dụng cho mục đích khác.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Cần quy định rõ đất đá khai thác sử dụng trong trường hợp không phải được miễn phí nêu trên để đảm bảo thu đúng đối tượng. Cụ thể như sau:

*“Trường hợp đất đá khai thác vừa sử dụng cho san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục thiên tai vừa sử dụng cho mục đích khác thì tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm xác định khối lượng đất, đá thuộc đối trượng miễn phí****,*** *số lượng đất, đá sử dụng cho mục đích khác phải nộp phí BVMT đối với khai thác khoáng sản”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện của chính sách, chưa tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện phục hồi môi trường.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với chính sách thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản: Phương án sửa đổi nêu trên góp phần đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của Nghị định, tạo thuận lợi trong thực hiện.

+ Đối với môi trường: Nâng cao ý thức BVMT và phục hồi môi trường sau khai thác của các tổ chức, cá nhân.

- Tác động tiêu cực: Trường hợp bổ sung đối tượng không sử dụng vào mục đích được miễn phí có thể phát sinh thêm hoạt động quản lý thu phí trong phân loại đối tượng.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**4. Về Biểu phí**

**4.1. Về tên gọi khoáng sản trong Biểu khung mức phí**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định 164 quy định tên một số loại khoáng theo tên khoa học (tiếng anh) ngoài phần phiên âm tiếng Việt như: (antimoan), (bauxite), (niken), (fenspat), ….

Qua rà soát, tên các khoáng sản nêu trên tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP có sự khác nhau như: antimon, bauxit, nicken, felspat, ….

Như vậy, có sự chưa thống nhất về tên gọi khoáng sản cùng loại giữa các văn bản.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Cần chỉnh sửa tên gọi khoáng sản cùng loại để thống nhấ với văn bản chuyên ngành về khoáng sản. Cụ thể như: antimon, bauxit, nicken, felspat, …

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm thống nhất về tên gọi khoáng sản cùng loại giữa các văn bản.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Đảm bảo thống nhất với văn bản chuyên ngành về khoáng sản.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**4.2. Về đơn vị tính phí**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại Biểu khung mức phí quy định đơn vị tính là tấn hoặc m3 tùy vào từng loại khoáng sản cụ thể.

Một số địa phươngđề nghị thống nhất đơn vị tính phí trong Nghị định 164 với đơn vị tính thuế tài nguyên tại Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chínhsửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau, để thống nhất trong khai, nộp phí BVMT và thuế tài nguyên.

Do hoạt động khai thác khoáng sản rất đa dạng, cùng một loại khoáng sản khai thác, sử dụng cho mục đích khác nhau thì đơn vị tính khác nhau.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Rà soát, đối chiếu “đơn vị tính” quy định tại Nghị định 164 với Thông tư số 05/2020/TT-BTC cho phù hợp, thống nhất với đơn vị tính của các khoản thu NSNN khác.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Cần rà soát, đối chiếu “đơn vị tính” quy định tại Nghị định 164 với Thông tư số 05/2020/TT-BTC cho phù hợp, thống nhất. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại khoáng sản** | **NĐ 164** | **Tỷ lệ quy đổi** | **Dự thảo Nghị định** |
| 1 | Đá nung vôi, sản xuất xi măng | 1.000 - 3.000 đồng/tấn | 1 tấn = 0,67 m3 | ***1.500 - 4.500 đồng/m3***  *(Sau khi tăng 150% mức tối đa thì khung mức phí là 1.500 - 6.750 đồng/m3)* |
| 2 | Đô lô mít | 20.000 - 30.000 đồng/tấn | 1 tấn = 0,67 m3 | ***30.000 - 45.000 đồng/m3*** |
| 3 | Cao lanh | 5.000 - 7.000 đồng/m3 | 1m3 = 1,2 tấn | ***4.200 - 5.800 đồng/tấn*** |
| 4 | Phen-sơ-phát | 5.000 - 7.000 đồng/m3 | 1 m3 = 1,5 tấn | ***3.300 - 4.600 đồng/tấn*** |

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm thống nhất về đơn vị tính với các khoảng thu NSNN khác.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Đảm bảo thống nhất về đơn vị tính với các khoản thu NSNN khác.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**5. Về mức phí**

**5.1. Điều chỉnh tăng khung mức phí đối với một số khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

- Tại Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030: Hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng đầu tư khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ, kém hiệu quả.

- Tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cương kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản đã nêu rõ: Việc khai thác cát, sỏi ở lòng sông, cửa sông, ven biển chưa quản lý chặt chẽ, gây bức xúc trong dư luận xã hội. TTgCP chỉ đạo Bộ Tài chính rà soát tổng thể chính sách tài chính về khoáng sản (gồm chính sách phí) đề xuất điều chỉnh chính sách tài chính phù hợp với thực tế, khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát, sỏi lòng sông.

- Tại khoản 1 Điều 64 Luật Khoáng sản: Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gồm các loại cát (trừ cát trắng); cuội, sỏi, sạn; đất sét làm gạch, ngói; các loại đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gây sạt lở bờ sông, ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi. Tại công văn số 6585/VPCP-KTTH ngày 12/7/2018, Phó TTgCP Trịnh Đình Dũng chỉ đạo: Xây dựng lộ trình tăng phí BVMT đối với khai thác cát tự nhiên làm vật liệu xây dựng theo kiến nghị của Bộ Xây dựng. Bộ Tài chính đã có công văn số 12543/BTC-CST ngày 12/10/2018 ghi nhận kiến nghị của Bộ Xây dựng để nghiên cứu khi sửa Nghị định 164.

- Hiện phí BVMT đối với khai thác sỏi, cuội, sạn, cát, đất sét, đá làm vật liệu xây dựng thông thường còn thấp, chưa khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế các khoáng sản này. Mức phí tại Nghị định 164 kế thừa từ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011. Từ năm 2011 đến nay, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 42%, lương cơ bản tăng khoảng 80%. Từ năm 2016 đến nay, giá tối đa tính thuế tài nguyên đối với cát đen **tăng 100%**[[2]](#footnote-2).

Trong khi đó, mức phí BVMT đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (sỏi, cuội, sạn; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói) tại Nghị định 164 được kế thừa theo quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP, nhiều khoáng sản đến nay chưa được điều chỉnh mức phí, vẫn ở mức thấp, chưa góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT trong công tác khai thác khoáng sản.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Hạn chế khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (sỏi, cuội, sạn; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói) gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Điều chỉnh tăng khung mức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gồm: Sỏi, cuội, sạn; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói.

Mức điều chỉnh: Mức thu phí tối đa bằng 150% mức thu phí tối đa hiện hành.

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi mức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Tác động tiêu cực: Chưa góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT trong công tác khai thác khoáng sản.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với môi trường: Khung mức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tăng về cơ bản sẽ làm tăng mức thu phí BVMT đối với việc khai thác các khoáng sản này, từ đó khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế các khoáng sản, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức BVMT của các tổ chức, cá nhân.

+ Đối với ngân sách: Việc điều chỉnh tăng khung mức thu phí dự kiến sẽ làm tăng thu NSNN từ khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường khoảng 150%. Đây là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, do đó địa phương có thêm nguồn thu để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường.

Ví dụ: Tại Phú Thọ và Hòa Bình có số thu năm 2020 đối với khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường đạt lần lượt là: 2,6 tỷ đồng và 2,8 tỷ đồng (đang áp dụng mức phí tối đa trong khung hiện hành). Như vậy, nếu áp dụng mức tối đa sau khi điều chỉnh thì số thu sẽ tăng tương ứng là 3,9 tỷ đồng và 4,2 tỷ đồng tại mỗi tỉnh.

- Tác động tiêu cực: Quy định tăng mức phí khai thác về cơ bản sẽ làm tăng giá bán sỏi, cuội, sạn; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói. Từ đó, có thể ảnh hưởng đến giá thành xây dựng.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**5.2. Điều chỉnh tăng khung mức phí đối với đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp, gồm: Serpentin, barit, bentonit**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

- Việc khai thác một số khoáng sản nêu trên hiện gây ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi, nhất là ô nhiễm về khói, bụi, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

- Mức phí hiện hành còn thấp, chưa khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế các khoáng sản này. Mức phí tại Nghị định 164 kế thừa từ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP. Từ năm 2011 đến nay, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 42%, lương cơ bản tăng khoảng 80%. Trong khi đó, mức phí BVMT đối với đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp tại Nghị định 164 được kế thừa theo quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP, vẫn ở mức thấp, chưa góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT trong công tác khai thác khoáng sản.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Hạn chế khai thác đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Điều chỉnh tăng khung mức thu phí BVMT đối với đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp.

Mức điều chỉnh: Mức thu phí tối đa bằng 150% mức thu phí tối đa hiện hành.

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi mức thu phí BVMT đối với khai thác đá nung vôi, làm xi măng và làm khoáng chất công nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Chưa góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT trong công tác khai thác khoáng sản.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực:

+ Đối với môi trường: Khung mức thu phí BVMT đối với khai thác đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp về cơ bản sẽ làm tăng mức thu phí BVMT đối với việc khai thác các khoáng sản này, từ đó khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế các khoáng sản, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức BVMT của các tổ chức, cá nhân.

+ Đối với ngân sách: Việc điều chỉnh tăng khung mức thu phí dự kiến sẽ làm tăng thu NSNN từ khai thác đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp khoảng 150%. Đây là khoản thu ngân sách địa phương hưởng, do đó địa phương có thêm nguồn thu để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường.

Ví dụ: Tại Nghệ An và Thái Nguyên có số thu phí của năm 2021 đối với khai thác đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp đạt lần lượt là: 56 tỷ đồng và 16 tỷ đồng (đang áp dụng mức phí tối đa trong khung hiện hành). Như vậy, nếu áp dụng mức tối đa sau khi điều chỉnh thì số thu sẽ tăng tương ứng là 84 tỷ đồng và 24 tỷ đồng tại mỗi tỉnh.

- Tác động tiêu cực: Quy định tăng mức phí khai thác về cơ bản sẽ làm tăng giá bán của các khoáng sản liên quan. Từ đó, có thể ảnh hưởng đến giá thành xây dựng.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**5.3. Điều chỉnh giảm khung mức phí đối với quặng titan**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại điểm 3 mục I Biểu khung mức phí kèm theo Nghị định 164 quy định khung múc phí áp dụng đối với quặng cromit là: 50.000-70.000 đồng/tấn.

Tuy nhiên, quặng ti tan thường tồn tại trong các bãi cát ven biển có hàm lượng thấp, khi mới khai thác lên chủ yếu là cát và các tạp chất. Hiện nay, nhiều địa phương có khai thác titan chủ yếu thu phí trên khoáng vật nặng sau khi đã được sơ tuyển bằng phương pháp rửa và nhân với mức phí. Nếu tính toàn bộ cả đất, cát, tạp chất lẫn trong quặng thì cần khoảng từ 100-144 tấn nguyên khai mới tinh luyện được 1 tấn thành phẩm titan. Như vậy, số phí phải nộp sẽ khoảng hơn 10 triệu động/tấn thành phẩm trong khi giá bán thu được tương đương số phí BVMT phải nộp.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo tính khả thi cho doanh nghiệp khai thác trong kê khai, nộp phí.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Điều chỉnh giảm khung mức thu phí BVMT đối với quặng titan.

Mức điều chỉnh: Giảm mức phí tối thiểu từ 50.000 đồng/tấn xuống còn 10.000 đồng/tấn.

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi mức thu phí BVMT đối với khai thác quặng titan.

- Tác động tiêu cực: không phù hợp với khả năng đóng phí của doanh nghiệp khai thác.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Phù hợp và đảm bảo tính khả thi của doanh nghiệp khai thác titan thực hiện nghĩa vụ đóng phí cho NSNN.

- Đảm bảo tính linh hoạt trong việc áp dụng mức phí phì hợp của chính quyền địa phương.

- Tác động tiêu cực: Không

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**5.4. Điều chỉnh giảm khung mức phí đối với quặng cromit**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại điểm 12 mục I Biểu khung mức phí kèm theo Nghị định 164 quy định khung múc phí áp dụng đối với quặng cromit là: 40.000-60.000 đồng/tấn.

Tuy nhiên, do hàm lượng cromit trong quặng rất thấp, có thể cần tới khoảng 48 tấn quặng nguyên khai mới tuyển được một tấn quặng thành phẩm.

Như vậy, nếu áp dụng mức phí hiện hành trên toàn bộ số quặng nguyên khai sẽ làm số phí phải nộp rất cao so với giá trị bán ra của loại khoáng sản này.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo tính khả thi cho doanh nghiệp khai thác trong kê khai, nộp phí.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Điều chỉnh giảm khung mức thu phí BVMT đối với quặng titan.

Mức điều chỉnh: Giảm mức phí tối thiểu từ 40.000 đồng/tấn xuống còn 10.000 đồng/tấn.

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi mức thu phí BVMT đối với khai thác quặng cromit.

- Tác động tiêu cực: không phù hợp với khả năng đóng phí của doanh nghiệp khai thác.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Phù hợp và đảm bảo tính khả thi của doanh nghiệp khai thác titan thực hiện nghĩa vụ đóng phí cho NSNN.

- Đảm bảo tính linh hoạt trong việc áp dụng mức phí phì hợp của chính quyền địa phương.

- Tác động tiêu cực: Không

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**5.5. Bổ sung thu phí đối với đá hoa trắng để sản xuất bột carbonat**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại điểm 6 mục II Biểu khung mức phí kèm theo Nghị định 164 quy định: Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, fluorit, bentônít và các loại khoáng chất khác): Từ 1.000 - 3.000 đồng/tấn.

Pháp luật khoáng sản không quy định rõ về các loại khoáng chất khác. Tại tỉnh Nghệ An áp dụng điểm 6 Mục II nêu trên để thu phí đối với trường hợp khai thác đá hoa trắng sản xuất bột carbonat. Tuy nhiên, Kiểm toán Nhà nước cho rằng đá hoa trắng có giá trị cao, việc áp dụng thu như tỉnh Nghệ An là không phù hợp. Tỉnh Nghệ An đề nghị bổ sung thu phí đối với trường hợp này vào Biểu khung mức phí.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:*

Để khắc phục vướng mắc trong quá trình thực hiện, góp phần bảo vệ môi trường và bảo vệ tài nguyên “đá hoa trắng làm bột carbonat”, Bộ Tài chính trình Chính phủ điều chỉnh tăng gấp 02 lần mức phí tối đa đối với “đá hoa trắng làm bột carbonat” từ 4.500 đồng/m3 (theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP) lên 9.000 đồng/m3và giữ mức tối thiểu 1.500 đồng/m3 như quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Theo đó, khung mức phí đối với “đá hoa trắng làm bột carbonat” từ 1.500 - 9.000 đồng/m3.

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện của chính sách.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực:

+ Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

+ Đối với các trường hợp thu phí BVMT đối với đá hoa trắng sản xuất bột carbonat theo mức phí của khoáng sản không kim loại khác, việc điều chỉnh này sẽ làm giảm mức phí phải nộp, dẫn đến giảm giá thành sản xuất bột carbonat, có lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng các sản phẩm có liên quan.

- Tác động tiêu cực: Phương án sửa đổi có thể làm giảm thu NSNN nhưng ước tính mức giảm không đáng kể.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**6. Về xác định khối lượng đất đá bóc, đất đá thải**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 164 quy định: *“Số lượng đất đá bốc xúc thải ra (Q1) trong kỳ nộp phí được xác định căn cứ vào tài liệu dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc căn cứ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và các tài liệu liên quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.*

*Số phí phải nộp đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra phát sinh trong kỳ nộp phí căn cứ vào khối lượng đất đá bốc xúc tính trên khối lượng (tấn hoặc m3) quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ”.*

Qua đánh giá, nhiều địa phương cho rằng, thực hiện theo quy định trên là phức tạp và khó theo dõi nếu doanh nghiệp không khai báo trung thực. Trong khi tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP có quy định về sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế, gồm: *Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai và khối lượng đất đá thải (nếu có); hộ chiếu nổ mìn, phiếu xuất kho vật liệu nổ công nghiệp.*

Vì vậy, cần nghiên cứu sửa đổi quy định tại Nghị định 164 nêu trên để phù hợp và thống nhất với quy định của pháp luật về khoáng sản.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với thực tế, với các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Sửa đổi theo hướng: *Khối lượng đất đá bóc, đất đá thải trong kỳ nộp phí (Q1) được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 4 Điều 42**Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoáng sản.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, chưa thống nhất với quy định của pháp luật về khoáng sản.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**7. Về xác định khối lượng khoáng sản nguyên khai**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 164 quy định: *“Số lượng khoáng sản khai thác trong kỳ để xác định số phí BVMT phải nộp là số lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong kỳ nộp phí (Q2). Trường hợp khoáng sản khai thác phải qua sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra và các trường hợp khác mà cần thiết phải quy đổi, căn cứ điều kiện thực tế khai thác và công nghệ chế biến khoáng sản trên địa bàn, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục thuế địa phương để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí BVMT đối với từng loại khoáng sản cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”.*

Việc quy đổi từ thành phẩm ra nguyên khai để làm căn cứ tính phí BVMT đối với khai thác khoáng sản gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ sở, căn cứ quy đổi chưa cụ thể. Kết quả quy đổi rất tương đối do hàm lượng, chất lượng quặng, cấu trúc, hàm lượng, chủng loại, vị trí thân quặng... là khác nhau.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 164, phí BVMT đối với khai thác khoáng sản xác định dựa trên 05 căn cứ: (i) Số lượng đất đá bốc xúc thải ra trong kỳ nộp thuế (Q1); (ii) Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (Q2); (iii) Mức phí đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra; (iv) Mức phí của từng loại khoáng sản; (v) Hệ số tính phí theo từng phương pháp khai thác.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 41; khoản 2, khoản 3 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ TN&MT quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác, lắp đặt camera giám sát; lập Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai và báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản để gửi cơ quan thuế.

Như vậy, toàn bộ khoáng sản nguyên khai sau khi khai thác đều được cân, ghi chép đầy đủ và Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai và khối lượng đất đá thải (nếu có) trước khi thực hiện các hoạt động tiếp theo (sàng, tuyển, phân loại, làm giàu...). Căn cứ Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai và khối lượng đất đá thải (nếu có), tổ chức thu phí có thể xác định được số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (Q2) làm căn cứ tính phí BVMT đối với khai thác khoáng sản; không cần quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với thực tế, với các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Bỏ nội dung quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí. Cụ thể, sửa khoản 4 Điều 5 như sau: *“Khối lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong kỳ (Q2) được xác định theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoáng sản”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện. Phương án bỏ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh thực hiện quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm cơ sở tính phí đảm bảo cải cách thủ tục hành chính.

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**8. Về phương pháp tính phí đối khoáng sản chứa nhiều kim loại**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại Nghị định 164 hiện chưa quy định cụ thể về tính phí đối với trường hợp khoáng sản chứa nhiều kim loại.

Theo quy định Luật Khoáng sản và văn bản hướng dẫn thì: Cơ quan TN&MT cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (hoặc Quyết định phê duyệt trữ lượng) chỉ thể hiện: Khoáng sản chính và khoáng sản đi kèm (không gọi là khoáng sản đa kim).

- Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản[[3]](#footnote-3) thì: Mỏ đa kim là mỏ có từ 02 loại khoáng sản kim loại có thể thu hồi trong quá trình khai thác, chế biến (gồm từ 02 trong số các kim loại sau: Sắt, đồng, chì, kẽm, thiếc, wolfram, niken, coban, bismut, antimon, vàng, bạc và bạch kim).

- Tuy nhiên, việc khai thác thu được các loại quặng đi kèm lại phụ thuộc vào công nghệ khai thác, đặc biệt là một số kim loại đi kèm có tỷ trọng rất thấp trong tổng lượng khoáng sản đa kim (Ví dụ: Khoáng sản đa kim wolfram Núi Pháo có lượng vàng chiếm tỷ trọng 0,00023% trong Tổng trữ lượng khoáng sản phê duyệt, thực tế, Công ty Núi Pháo khai thác 06 năm nhưng chưa chiết suất thu được vàng).

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với thực tế, với các quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật BVMT và các luật liên quan; bảo đảm cơ sở pháp lý trong quá trình thu, nộp phí.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Sửa đổi khoản 5 Điều 5 Nghị định 164 như sau: *“Đối với khoáng sản chứa nhiều kim loại*

*Số phí phải nộp của từng loại khoáng sản = Tỷ lệ khối lượng của từng loại khoáng sản x Tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (Q2) x Mức phí tương ứng của từng loại khoáng sản khai thác (f2).*

*Căn cứ điều kiện thực tế khai thác và công nghệ chế biến khoáng sản trên địa bàn, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế và các cơ quan liên quan trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều kim loại để tính phí BVMT phù hợp với tình hình thực tế”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện của chính sách.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp đề xuất phương án 2.

**9. Về quy định khai thác than lẫn đất đá bóc, đất đá thải**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại Nghị định 164 chưa quy định cụ thể về trường hợp khai thác than lẫn đất đá bóc, đất đá thải.

Tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam cho rằng: Ngoài than nguyên khai được phép khai thác, doanh nghiệp được phép khai thác than lẫn trong đất đá, trong các vỉa (than hàm lượng thấp). Than này không xác định được lượng nguyên khai theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản mà phải qua sàng tuyển.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với thực tế, với các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Bổ sung quy định: *“Đối với trường hợp thu hồi than lẫn trong đất đá bóc, đất đá thải, số phí bảo vệ môi trường phải nộp = Khối lượng than nguyên khai thu hồi x Mức phí tương ứng của khoáng sản than.*

*Trường hợp than lẫn trong đất đá phải qua sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra thì căn cứ điều kiện thực tế khai thác và công nghệ chế biến trên địa bàn, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ quy đổi từ khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí BVMT phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện, đồng thời phù hợp với khả năng nộp phí, mang lại tính khả thi trong thực hiện của chính sách.

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**10. Về quản lý, sử dụng phí thu được**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại Điều 8 Nghị định 164 quy định:

*“1. Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản, không kể dầu thô và khí thiên nhiên, khí than là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật BVMT và Luật NSNN, theo các nội dung cụ thể sau đây:*

*a) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;*

*b) Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;*

*c) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.*

*d) Nơi có hoạt động khai thác khoáng sản quy định tại khoản này là nơi thực tế diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản và các khu vực bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản theo địa bàn quản lý của cấp xã và cấp huyện.*

*2. Phí BVMT đối với dầu thô và khí thiên nhiên, khí than là khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường theo quy định của Luật BVMT và Luật NSNN.*

*3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường thu được cho công tác bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản”.*

Tại khoản 1 Điều 7 Luật NSNN quy định nguyên tắc cân đối NSNN như sau: *“Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện”.*

Như vậy chưa có sự thống nhất trong quy định giữa chính sách thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản và Luật NSNN.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Đảm bảo nội dung chính sách thu phí BVMT đối với khoáng sản phù hợp với các quy định của Luật NSNN và các văn bản có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:* Sửa đổi Điều 8 Nghị định 164 như sau:

*“1. Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (không kể dầu thô và khí thiên nhiên, khí than) là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật NSNN.*

*2. Phí BVMT đối với dầu thô và khí thiên nhiên, khí than là khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật NSNN”.*

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo được tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**11. Về tổ chức thực hiện**

*a) Xác định vấn đề bất cập*

Tại điều 10 Nghị định 164 quy định:

- UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: Trình HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản và chỉ đạo Sở TN&MT, Sở TT&TT trong việc phối hợp với cơ quan thuế trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, quản lý đối tượng nộp phí và công khai tình hình thu, nộp phí BVMT đối với khai thác khoáng sản.

- Cơ quan thuế địa phương có trách nhiệm: Hướng dẫn, đôn đốc thu nộp phí; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản...

Quá trình thực hiện Nghị định 164, một số địa phương phản ánh khó khăn trong theo dõi số liệu tự kê khai, nộp phí của doanh nghiệp. Nhiều trường hợp số lượng đất đá bốc xúc thải ra trong hồ sơ mỏ không có dữ liệu để kiểm tra, đối chiếu; khó xác định số lượng quặng nguyên khai. Thông tin thực tế khai thác chủ yếu do doanh nghiệp tự kê khai, không có cơ chế giám sát, kiểm chứng, dễ gian lận dẫn đến thất thu NSNN.

*b) Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Đảm bảo chính sách minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong thực hiện.

*c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*Phương án 1:* Giữ nguyên như quy định hiện hành.

*Phương án 2:*

Bổ sung quy định:

- Chậm nhất là trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, căn cứ hồ sơ quyết toán phí năm (dương lịch) theo quy định của pháp luật quản lý thuế, cơ quan thuế nơi người nộp phí nộp hồ sơ kê khai phí có trách nhiệm chuyển cơ quan tài nguyên và môi trường thông tin chi tiết về số lượng đất đá bóc, đất đá thải và số lượng khoáng sản nguyên khai thực tế khai thác trong năm theo từng Giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn.

Trường hợp quyết toán phí không theo năm dương lịch; chấm dứt hợp đồng khai thác khoáng sản; chấm dứt hoạt động thu mua gom khoáng sản; chuyển đổi sở hữu; chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; sáp nhập; hợp nhất; chia tách; giải thể; phá sản; chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh: Cơ quan thuế chuyển thông tin cho cơ quan TNMT trong thời gian 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ quyết toán phí theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Chậm nhất là trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, Cục Thuế có trách nhiệm tổng hợp và thông tin công khai: Khối lượng khoáng sản khai thác, ~~số~~ khối lượng đất đá bóc, đất đá thải, số phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mà doanh nghiệp đã nộp của năm trước trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế và của UBND tỉnh để người dân được biết.

- Cơ quan TNMT có trách nhiệm đối chiếu số lượng đất đá bóc, đất đá thải và khối lượng quặng khoáng sản nguyên khai thực tế khai thác theo từng Giấy phép do người nộp phí kê khai với dữ liệu đã có tại cơ quan TNMT; Trường hợp khối lượng do người nộp phí kê khai không phù hợp với khối lượng được phép khai thác ghi trên Giấy phép khai thác, không phù hợp thực tế hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan TNMT sẽ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xác định khối lượng đất đá bóc, đất đá thải và khối lượng khoáng sản nguyên khai thực tế khai thác.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do cơ quan thuế chuyển đến, trường hợp doanh nghiệp kê khai không đúng khối lượng đất đá bóc, đất đá thải và khối lượng quặng khoáng sản nguyên khai thực tế khai thác, cơ quan TNMT có trách nhiệm chuyển thông tin cho cơ quan thuế để xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế.

*d) Đánh giá tác động của giải pháp*

*Phương án 1:*

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Không giải quyết được các khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời chưa đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

*Phương án 2:*

- Tác động tích cực: Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa Sở TNMT và cơ quan thuế trong việc quản lý hoạt động khai thác khoáng sản làm căn cứ để tính phí, tạo luận lợi trong thực hiện

- Tác động tiêu cực: Về cơ bản phương án sửa đổi không có tác động tiêu cực.

*đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 2.

**III. VỀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT**

**1. Đối với hệ thống pháp luật và hệ thống chính sách thuế, phí, lệ phí**

Dự thảo Nghị định phí BVMT đối với khai thác khoáng sản sẽ được trình Chính phủ ban hành và thay thế Nghị định 164 tiếp tục là nhiệm vụ mà Chính phủ thực hiện thẩm quyền Quốc hội đã giao trong Luật Phí và lệ phí, cụ thể hóa quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản. Theo đó, người gây ô nhiễm môi trường phải có trách nhiệm đóng góp một phần để hạn chế, khắc phục ô nhiễm môi trường, từ đó sẽ nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động khai thác khoáng sản, hạn chế tác động xấu đến môi trường và sử dụng tài nguyên khoáng sản đảm bảo hiệu quả, phát triển bền vững.

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm đảm bảo đồng bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật về quản lý thuế, NSNN, tài nguyên, khoáng sản và pháp luật về dầu khí.

**2.** Đ**ối với kinh tế-xã hội**

Thứ nhất: Tính mức phí bình thường (thu = mức 100%) đối với khoáng sản thu hồi từ các hoạt động dự án thay vì áp dụng mức 60% như hiện hành sẽ đảm bảo bình đẳng về các hoạt động khai thác khoáng sản có nghĩa vụ đóng phí như nhau.

Thứ hai, việc tăng mức thu phí áp dụng đối với khai thác, cát, sỏi đá làm vật liệu xây dựng thông thường; đá làm xi măng, đá nung vôi và đá làm khoáng chất công nghiệp sẽ hạn chế khai thác đối với loại khoáng sản này và khuyến khích người tiêu dùng sử dụng vật liệu thay thế, thân thiện với môi trường, phù hợp với chiến lược phát triển tăng trưởng xanh tại Việt Nam.

Thứ ba, bỏ quy định quy đổi từ khoáng sản thành phẩm ra khoáng sản nguyên khai (trừ trường hợp khoáng sản chứa nhiều kim loại) sẽ giảm phần lớn khối lượng công việc của các cơ quan, cán bộ của các địa phương, góp phần làm tăng hiệu xuất thực thi công vụ và tiết kiệm nguồn nhân lực.

**3.** Đ**ối với công dân, doanh nghiệp**

Dự thảo quy định thực hiện kê khai và nộp phí theo số lượng thực tế khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ là đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp khai thác, tránh gian lận và giảm sự khác biệt trong công tác thu phí giữa các địa phương có cùng đối tượng khoáng sản được khai thác.

Đối với quy định công khai hoạt động khai thác; công khai số thu phí của doanh nghiệp trong dự thảo Nghị định đảm bảo tính minh bạch để mọi người dân có quyền thông tin, giám sát hoạt động khai thác của doanh nghiệp có đúng với sự cho phép và quản lý của nhà nước hay không. Từ đó, người dân có thể phát hiện, phản ánh đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những sai phạm, tiêu cực; xử lý kịp thời những phát sinh liên quan đến đời sống của người dân nơi có hoạt động khai thác khoáng sản diễn ra.

**4.** Đ**ối với thu NSNN**

Đối với nhóm khoáng sản thu được từ việc thực hiện các dự án, công trình xây dựng, giao thông ...Ngân sách nhà nước dự kiến sẽ tăng thu 40% từ đối tượng này khi Nghị định được ban hành và có hiệu lực thực hiện.

Đối với khung mức phí áp dụng đối với đất, đá, cát sỏi, khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; đá nung vôi, đá sản xuất xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp sau khi được dự thảo điều chỉnh cũng sẽ tăng thu = 150% số thu từ đối tượng khoáng sản này. Theo đó, số thu của các địa phương với đối tượng này sẽ tăng tương ứng với dự kiến điều chỉnh của dự thảo Nghị định.

Ví dụ: Tại Nghệ An và Thái Nguyên có số thu phí của năm 2021 đối với khai thác đá nung vôi, đá làm xi măng và đá làm khoáng chất công nghiệp đạt lần lượt là: 56 tỷ đồng và 16 tỷ đồng (đang áp dụng mức phí tối đa trong khung hiện hành). Như vậy, nếu áp dụng mức tối đa sau khi điều chỉnh thì số thu sẽ tăng tương ứng là 84 tỷ đồng và 24 tỷ đồng tại mỗi tỉnh.

**5.** **Đối với cải cách thủ tục hành chính**

Dự thảo bỏ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh thực hiện quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai (trừ trường hợp khoáng sản chứa nhiều kim loại) làm cơ sở tính phí có ý nghĩa quan trọng, đảm bảo cải cách thu tục hành chính trên các phương diện:

- Doanh nghiệp khai thác không phải giải trình quá trình khai thác, chế biến khoáng sản và không phải báo cáo số lượng thành phẩm cho cơ quan thu phí;

- Các cơ quan chức năng địa phương không phải thực hiện thủ tục, đánh giá và đưa ra đề xuất quy đổi;

- Giảm khối lượng công việc của UBND cấp tỉnh trong việc ra quyết định quy đổi.

- Tránh phát sinh vướng mắc và kiến nghị giải quyết của doanh nghiệp khai thác trong thời gian qua liên quan đến tỷ lệ quy đổi của một số khoáng sản không sát với thực tế khai thác của đơn vị.

**IV. KẾT LUẬN**

Tóm lại, những nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 164 nêu trên là cần thiết, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của chính sách thu phí BVMT với các chính sách khác có liên quan; tháo gỡ vướng mắc của chính sách thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản hiện hành; góp phần hạn chế việc khai thác khoáng sản gây ô nhiễm môi trường; đồng thời đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Trong quá trình sửa đổi Nghị định, Bộ Tài chính đã lấy ý kiến các đơn vị chịu tác động của chính sách. Trên cơ sở các ý kiến tham vấn, kết hợp với tham khảo kết quả nghiên cứu của một số tổ chức quốc tế, kinh nghiệm quốc tế về các vấn đề liên quan đã tổng hợp và hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TÀI CHÍNH** |

1. Số thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản qua các năm như sau: Năm 2017: 3.029 tỷ đồng; năm 2018: 3.448 tỷ đồng; năm 2019: 3.737 tỷ đồng; năm 2020: 3.576 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Giá tính thuế tài nguyên đối với cát đen trong xây dựng, tại Thông tư 44/2017/TT-BTC: 70.000 - 100.000 đồng/m3, tại Thông tư05/2020/TT-BTC: 56.000 - 200.000 đồng/m3. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP: “mỏ đa kim là mỏ có từ 02 loại khoáng sản kim loại có thể thu hồi trong quá trình khai thác, chế biến được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận là trữ lượng quy định tại Phụ lục I (nhóm 7 - các loại khoáng sản kim loại khác) của Nghị định số [67/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-67-2019-nd-cp-quy-dinh-ve-phuong-phap-tinh-muc-thu-tien-cap-quyen-khai-thac-khoang-san-420029.aspx) ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Các khoáng sản có giá trị và có thể thu hồi trong các mỏ đa kim gồm từ 02 trong số các kim loại sau: Sắt, đồng, chì, kẽm, thiếc, wolfram, niken, coban, bismut, antimon, vàng, bạc và bạch kim”. [↑](#footnote-ref-3)